

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:01/2024/ DS-ST

Ngày 16/01/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sửu
2. Ông Trần Văn Thiện

- **Thư ký phiên tòa:** ông Đặng Xuân Trường, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2023/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2023. Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 213/2023/QĐST-DS, ngày 28/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thanh T là ông Nguyễn Khắc P – Luật sư, Công ty L1 (có mặt)

Địa chỉ. Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đồng bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

ĐKHKT: Thôn Đồng Ván, xã An Dương, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Sắt, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Giáp Văn L, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn S, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai tiếp theo bà Nguyễn Thanh T trình bày: Do

có mối quan hệ quen biết giữa bà với vợ chồng anh B, chị H. Vào ngày 18/8/2015 bà có cho vợ chồng anh B, chị H vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) mục đích vay để đáo nợ ngân hàng và chăn nuôi, hạn vay và lãi suất thỏa thuận miệng ngoài khoảng 10 ngày, khi nào trả gốc thì trả lãi 1%/1 tháng. Sau khi vay khoảng 1 đến 2 tháng bà có đến đòi chị H nhiều lần nhưng chị H khất lần chưa có trả đến năm 2021 bà đến đòi tiền chị H thì anh B có viết thêm vào giấy khất đến tháng 2/2022 trả hết. Đến hẹn vợ chồng chị H, anh B không trả tiền cho bà theo thỏa thuận. bà đến đòi nhiều lần nhưng cố tình không trả và còn trốn tránh. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu anh B, chị H cùng phải liên đới chịu trách nhiệm trả bà số tiền gốc đã vay là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Yêu cầu trả lãi theo lãi suất 1%/1 tháng tính từ ngày 01/02/2015 đến nay là 17.640.000đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 37.640.000đồng.

Tại bản khai của ông Giáp Văn L trình bày: Ông là chồng bà T ông nhất trí với ý kiến của bà T; Yêu cầu anh B, chị H trả vợ chồng ông số tiền gốc là 20.000.000đ tiền lãi tính đến nay là 17.640.000đồng. vì lý do sức khỏe ông không đến tham gia các buổi làm việc và phiên tòa xét xử được nên ông xin vắng mặt.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ kiện Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh B, chị H không đến làm việc. Qua xác minh tại địa phương được biết anh B làm nghề lái xe thời gian gần đây anh B ở nhà nhưng thường xuyên khóa cửa bên không ra ngoài, gọi cửa không mở, chị H đi làm công ty nhưng không biết Công ty ở đâu, sáng sớm chị H đã đi tới muộn mới về. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh B, chị H nhưng anh B, chị H không đến làm việc, và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán trả tiền cho bà Nguyễn Thanh T.

Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà T.

Về số tiền 20.000.000đồng. căn cứ lời trình bày của bà T, giấy vay tiền có chữ ký của anh B, chị H. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Đề nghị HĐXX buộc anh B, chị H trả cho bà toàn, ông L số tiền đã vay là 20.000.000đồng.

Về tiền lãi. Tại phiên tòa bà T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu đòi lãi. Đề nghị HĐXX đình chỉ yêu cầu đòi lãi của bà T.

Bà T hộ cận nghèo bà đã nộp tiền tạm ứng án phí đề nghị HĐXX căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 nghị Quyết số 326/2014 của UBTVQH khóa 14 trả lại bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

+ ***Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, chấp hành đúng quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng quy định pháp luật không đến làm việc, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải. Không đến tham gia phiên tòa.

+ **Về hướng giải quyết:** Áp dụng khoản 3, điều 26, điểm a, khoản 1, điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 244; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử.

Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà T

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T. Buộc chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn B có trách nhiệm trả bà T, ông L số tiền gốc còn nợ là 20.000.000đồng

Yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh B, chị H phải chịu 1.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo các bên đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện đòi tiền anh B, chị H, xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” đồng bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B, chị H.

[2] Về nội dung: Do có mối quan hệ quen biết giữa bà T với vợ chồng chị H và anh B. Vào ngày 18/8/2015 vợ chồng chị H, anh B có vay số tiền 20.000.000đồng của bà T, ông L để đảo sổ nợ Ngân hàng. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất trong giấy, chỉ thỏa thuận mồm bên ngoài hạn vay 10 ngày, khi nào trả tiền gốc thì tính lãi là 1%/1 tháng. Khoản 2 tháng sau chị H đã đảo song nợ Ngân hàng, bà T không thấy chị H trả tiền nên có đến đòi tiền nhưng chị H, anh B khất nợ. Sau nhiều lần đòi thì anh B có viết vào giấy hẹn trả nợ vào tháng 2 năm 2022. Đến hạn trả nợ chị H, anh B không trả tiền cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh B, chị H trả bà T, ông L số tiền nợ là 20.000.000đồng. Tại phiên tòa bà T rút toàn bộ yêu cầu đòi lãi anh B, chị H.

Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng cả anh B, chị H đều không đến làm việc, Tòa án đã đến gia đình anh B, chị H nhưng không gặp được anh B, chị H chỉ thấy khóa cửa bên trong. Qua xác minh tại địa phương được biết anh B làm nghề lái xe thời gian gần đây anh B ở nhà nhưng thường xuyên khóa cửa bên trong

không ra ngoài, gọi cửa không mở, chị H đi làm công ty nhưng không biết Công ty ở đâu, sáng sớm chị H đã đi tới muộn mới về. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh B, chị H nhưng anh B, chị H không đến làm việc, và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán trả tiền cho bà Nguyễn Thanh T.

Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh B, chị H đều không có mặt, HĐXX căn cứ bản gốc giấy vay tiền do bà T cung cấp, giấy vay tiền này có chữ ký của anh B, chị H, Phía anh B, chị H đã được niêm yết các thủ tục tố tụng về việc bà T kiện đòi tiền nhưng không có ý kiến phản đối, cũng không cung cấp bất cứ giấy tờ gì chứng minh việc đã thanh toán trả bà T số tiền vay trên. Do vậy có căn cứ khẳng định chị Nguyễn Thị H, anh Trần Văn B vay số tiền 20.000.000đ vào ngày 18/8/2015 của bà Nguyễn Thanh T đến nay chưa trả là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T. Cần buộc anh B, chị H liên đới chịu trách nhiệm trả bà T, ông L số tiền còn nợ 20.000.000đồng.

Về tiền lãi tại phiên tòa bà T rút toàn bộ yêu cầu đòi tiền lãi của anh B, chị H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này và đình chỉ đối với yêu cầu đòi tiền lãi của bà Nguyễn Thị T1.

Về lãi suất chậm trả ở giai đoạn thi hành án: Để đảm bảo quyền lợi của bên được thi hành án. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về tiền án phí, yêu cầu của bà T1 được chấp nhận nên bà T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 940.000đồng.

Anh B, chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm = 5% của số tiền 20.000.000đồng.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 244; Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2, khoản 4, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T

Buộc anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị H liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thanh T và ông Giáp Văn L số tiền còn nợ là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu đòi tiền lãi của bà Nguyễn Thanh T

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tiền án phí: Hoàn trả bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 940.000đ theo biên lai thu tiền số 0006503, ngày 19/10/2023, do chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên thu.

Anh Trần Văn B, chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.000.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- THA huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh